

MẤY VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGHỀ KHAI THÁC HẢI SẢN Ở NƯỚC TA

DƯƠNG THÀNH ĐẠT

Diện tích biển nước ta ước khoảng 3 447 000 km². Hiện nay sơ bộ xác định mỗi km² vùng biển thêm lục địa này có khả năng cung cấp cho ta hằng năm từ 3 đến 5 tấn cá đáy và gần đáy. Nguồn lợi cá tầng trên (cá di nổi và tầng nước giữa) như các loài cá mòi, cá cơm, cá trích, cá nục, cá gù, cá ngừ, cá thu, cá chuồn v.v... ở biển Đông nước ta thường tập trung thành đàn theo mùa di cư, có chiều dài trên 1 km là điều thường thấy.

Ngoài cá, các khu biển bao quanh các cửa sông, nhất là sông Hồng-hà, sông Cửu-long... là những bãi tôm lớn, đặc biệt là tôm he (hằng năm có thể khai thác được hàng vạn tấn có giá trị xuất khẩu). Quanh các đảo, quần đảo, các vùng vịnh, đầm ven biển... có nguồn lợi đặc sản phong phú và quý: hải yến, đồi mồi, trai ngọc, bào ngư, tôm hùm, sò huyết, vẹm xanh, ốc, xà cừ, rau câu, rau mur... là những mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Nguồn lợi hải sản nước ta rất dồi dào và phong phú. Tuy vậy, vấn đề đặt ra là nếu chúng ta phát triển nhanh, mạnh các nghề khai thác, liệu nguồn lợi ấy có giữ mãi được mặt độ giàu có như hiện nay không? Có nhiều tài liệu của thế giới phát hiện trữ lượng cá biển ngày càng giảm dần, vậy nguồn lợi biển của ta thì thế nào?

Nguồn lợi hải sản cũng như các nguồn lợi thiên nhiên khác, nếu chỉ khai thác mà không bảo vệ, tất nhiên sẽ cạn dần. Nguồn lợi cá biển trên thế giới hiện nay đang ở tình trạng báo động, sản lượng trong những năm 1970 có phần giảm sút, vì lực lượng khai thác ngày càng phát triển và được trang bị hiện đại, lại chỉ nhằm khai thác các giống loài cá kinh tế. Nhìn chung, khai thác biển không có kế hoạch, môi sinh ở biển đang có nguy cơ bị ô nhiễm. Vì thế, trong những năm gần đây,

các nước ven biển có chung một vùng biển hoặc một phần đại dương đã họp bàn về hợp tác đánh cá, hoặc bàn về ranh giới hải phận và vùng đánh cá của mỗi nước.

Nguồn lợi hải sản ở nước ta, nhất là nguồn lợi hải sản ven bờ đang bị khai thác quá mức, trái lại nguồn lợi ở vùng biển sâu và xa chưa được khai thác bao nhiêu. Nhờ các điều kiện môi trường nhiệt đới thuận lợi, nguồn lợi ven biển của ta có nguồn bổ sung nhanh chóng. Nước biển Đông của ta quanh năm có nhiệt độ trung bình 20-30°C, chỉ có một vùng rất nhỏ gần bờ phía bắc, trong mùa đông nhiệt độ xuống đến 14°C hoặc thấp hơn, nên không có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống, tốc độ sinh trưởng và khối lượng sinh vật biển nói chung, cá tôm nói riêng. Ngược lại, các điều kiện t⁰C, S%, gió mùa, biển nông, khối lượng mưa lớn, tổng nhiệt lượng hằng năm 7 500°C là những yếu tố cơ bản, làm cho sinh vật biển nói chung, cá tôm nói riêng tăng trưởng rất nhanh ở tuổi 1-2, đẻ nhiều và đẻ kéo dài, quanh năm trên biển lúc nào cũng có trứng cá và cá tôm con. Đây là nguồn bổ sung vô tận nếu chúng ta áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ nguồn lợi, nhất là bảo vệ các bãi giống bố mẹ, bãi đẻ và trứng, các đàn cá con. Mặt khác, nguồn lợi hải sản ở ta có rất nhiều giống loài, nếu một số giống loài này bị khai thác quá mức thì các giống loài khác trong nhóm sẽ phát triển nhanh chóng theo qui luật cân bằng sinh vật tự nhiên (một qui luật cần phải nghiên cứu vận dụng trong quá trình tổ chức khai thác, nuôi trồng nhằm làm cho nguồn lợi hải sản nước ta ngày càng dồi dào và có giá trị lớn).

Bờ biển nước ta dài trên 3 200km, trung bình cứ 20km có một cửa sông, nếu vùng nào không có cửa sông lớn và sâu để cho tàu thuyền lớn ra vào an toàn thì lại có những vịnh, vũng rộng có đảo hoặc quần đảo che kín, tạo thành những bến cảng, những trung tâm đánh cá thích hợp: vịnh Hạ-long, Cát-bà, Biện-sơn, Đà-nẵng, Qui-nhơn, Nha-trang, Cam-ranh, Vũng-tàu... Trước các cửa sông lớn hoặc vịnh đều hình thành các bãi cá đầy hoặc cá nổi tương đối tốt.

Ngày nay, trên bờ của hầu hết các cửa sông lớn hoặc vịnh đã có các cơ sở cung cấp điện nước, có các đường giao thông thủy bộ, các phố xá đông dân có thể tổ chức thành các cơ sở cung cấp nhu cầu về vật liệu sản xuất và sinh hoạt cho người đánh cá, tạo ra thể thuận lợi cho việc nghiên cứu xây dựng các trung tâm cá biển tiến lên cơ giới hóa.

Mặt khác, trình độ khoa học kỹ thuật về thiết kế, xây dựng những công trình dưới nước, ven biển như cầu cảng, đập chứa nước, đê cống, phao tiêu, cũng như những nhà máy trên bờ như cơ sở đông lạnh, nhà máy sản xuất đá, nhà máy chế biến..., nói chung là những cơ sở cấu thành những bến cá hoàn chỉnh, khép kín, không còn xa lạ đối với cán bộ, công nhân của nước ta. Ngành hải sản đã có các xí nghiệp có khả năng đóng ráp các loại tàu đánh cá công suất dưới 300 sức ngựa. Ngành giao thông và cơ khí có thể đóng ráp các loại tàu lớn hơn và đã chế tạo thành công các tàu hút bùn, nạo vét luồng lạch. Chúng ta đã có trình độ sử dụng thành thạo các loại trang bị đánh cá tương đối hiện đại: máy đo độ sâu, máy phát hiện cá bằng siêu âm, máy vô tuyến tầm phương, máy vô tuyến định vị...

Về mặt khoa học kỹ thuật chế biến sản phẩm hải sản, ngoài những kiến thức về kinh nghiệm đã học được của ngành cá thể giới, trong các năm qua, cán bộ khoa học kỹ thuật ở ta đã hoàn thành việc thí nghiệm sản xuất agar agar từ rong câu, anginatide, iotamin, manitola từ rong mơ, bột cá thực phẩm, bột cá hòa tan... phục vụ cho việc nuôi dưỡng trẻ em. Việc sản xuất nước mắm theo phương pháp nhiệt tạo tiền đề cho việc cơ giới hóa, tự động hóa quá trình sản xuất sản phẩm này. Ngành hải sản đã có nhiều xí nghiệp chế biến tôm cá đông lạnh để xuất khẩu. Đó là những thành tựu có thể làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp chế biến hải sản ở nước ta sau này.

Trong thời gian qua, chúng ta cũng đã

đào tạo được một đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân nghề cá, đồng thời thu được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc tổ chức và cải tạo lực lượng lao động sản xuất dưới các hình thức hợp tác xã, công tư hợp doanh, xí nghiệp quốc doanh trong ngành kinh tế hải sản này.

Tóm lại, các điều kiện vật chất, kỹ thuật và lao động để xây dựng ngành công nghiệp cá hiện đại của Việt-nam đã có « nền móng ban đầu » tương đối vững chắc.

Nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu và đơn giản của nhân dân « cơm với cá như mạ với con », từ hòa bình lập lại, trên miền Bắc, Đảng và Chính phủ đã nêu cao vị trí quan trọng của nghề cá, đã đề ra các phương châm, phương hướng hoạt động của ngành này.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ ba đã nêu: « Cần song song đẩy mạnh phát triển nghề nuôi cá và nghề đánh cá để nâng cao mức cung cấp cá, nước mắm nhằm tăng thêm thành phần thức ăn có chất đạm cho nhân dân »; và « Đối với nghề cá biển, phương châm sản xuất là: đẩy mạnh nghề lộng, phát triển nghề khơi, đánh cá quanh năm, phát triển nhiều nghề. Cần cải tiến phương pháp đánh cá, cải tiến và phát triển thêm các loại dụng cụ, thuyền lưới thích hợp với từng loại cá, từng mùa cá và khu vực đánh cá để đánh được nhiều loài cá và các hải sản khác, dần dần thêm phương tiện bảo đảm an toàn lao động cho ngư dân để phát triển nghề khơi và đánh cá quanh năm ».

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 5 lại bổ sung thêm « ...trang bị đi đòi với bảo vệ và phát triển, đánh cá đi đòi với chế biến, dần dần thực hiện việc trang bị nửa cơ giới và một phần cơ giới ».

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 nhắc thêm: « ...trang bị thêm thuyền lưới, tạo cơ sở để phát triển một bước nghề khơi - Phát triển nghề chế biến cá làm nước mắm... ».

Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 nhấn mạnh hơn về nghề khơi: « Trong khi chú trọng cải tiến nghề lộng phải phát triển nghề khơi: tăng thêm thuyền lớn và thuyền máy đi khơi. Các cơ sở quốc doanh đánh cá phải là những trung tâm áp dụng kỹ thuật mới và hướng dẫn kỹ thuật cho các hợp tác xã đánh cá. Cần phát triển thêm một số cơ sở quốc doanh đánh cá, trang bị thêm thuyền máy, tàu đánh cá, xây dựng bến và cầu tàu. Đồng thời phải tích cực giúp đỡ các hợp tác xã

phát triển các cơ sở đóng thuyền, đan lưới...».

Gần đây nhất, Nghị quyết 13 - CP ngày 13-1-1975 của Hội đồng Chính phủ chỉ rõ nhiệm vụ khoa học và các trọng điểm nghiên cứu, sản xuất của ngành cá biển: «Tăng cường mạnh hơn nữa việc nghiên cứu điều tra khảo sát tài nguyên biển. Phải xác định được chắc chắn về nguồn lợi và ngư trường, dần dần công tác nghiên cứu điều tra phải đi sâu vào từng loài, từng con cá, con tôm, nhất là các loài có giá trị về số lượng và chất lượng để bảo vệ. Trước mắt, tập trung cho đề tài tôm để phát triển khai thác cùng nuôi trồng».

Để thực hiện đầy đủ các phương châm, phương hướng hoạt động trên, chúng ta cần hoàn thành tốt các nhiệm vụ và biện pháp sau:

1. Phải có một đoàn tàu, thuyền máy ngày càng nhiều về số lượng và tốt về trang bị, thích hợp với đặc điểm địa lý của biển và nguồn lợi hải sản nước ta, đồng thời phải có một mạng lưới hậu cần đủ mạnh để chiến thắng được các điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên nước ta, tăng thời gian đánh bắt có hiệu quả trên biển, tranh thủ đánh bắt đúng vào thời cơ cá tôm xuất hiện tập trung.

Thềm lục địa của nước ta phình ra và rất rộng ở hai đầu (vịnh Bắc-bộ và vịnh Thái-lan), ngược lại rất dốc và sâu ở phần giữa. Mỗi năm bình quân có 20 - 24 đợt gió mùa đông bắc và nhiều ngày gió mùa tây-nam có tốc độ trên cấp 5, cấp 6, có lúc đạt đến cấp 12 trong những ngày có bão. Nếu là tàu, thuyền máy nhỏ, mỗi năm phải chịu lãng phí mất 150 - 200 ngày không sản xuất được. Mặt khác, nguồn lợi hải sản, nhất là các loại cá lớn, cá tốt, chủ yếu phân bố ở vùng biển sâu và xa bờ, các vùng biển nông gần bờ chỉ là nơi cá tôm vào để theo mùa trong những lúc thời tiết thuận lợi nhất, và cũng là bãi sinh sống của các đàn cá con. Từ hai hiện tượng khách quan trên, việc cấu tạo các đoàn tàu, thuyền máy để đánh cá biển chủ yếu là phải có khả năng sản xuất trên biển, ít nhất là chịu được gió cấp 5 - 6, và an toàn trong gió sóng cấp 7 - 8. Đối với các tàu lớn đi xa, cách bờ khoảng 1000 hải lý phải chịu được gió tới cấp 12. Kinh nghiệm của ngư dân ta cho biết, những thời điểm đánh được nhiều cá nhất là «cuối lặng, đầu động». Đại bộ phận tàu, thuyền máy và thuyền buồm hiện có đều phải tròn gió trước khi động biển, vì thế năng suất sản lượng không thể cao được, và không thể có số ngày đánh cá đạt 300 ngày/

năm. Nghề đánh cá ven bờ, với thuyền buồm thủ công ở cả nước ta hiện nay hoàn toàn chưa phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng biển nước ta nên chỉ đạt bình quân 15 - 2 tấn cá /lao động /năm, trong lúc đó với thuyền máy 90 sức ngựa, nghề cá quốc doanh cũng như nghề cá hợp tác xã đã đạt bình quân 10 - 15 tấn /lao động /năm; trên tàu 250 mã lực đạt 18 - 20 tấn /lao động /năm; trên tàu 1000 mã lực đạt 25 - 30 tấn /năm /lao động. Như vậy, nhiệm vụ cơ giới hóa nghề đánh cá biển có tầm quan trọng quyết định đến việc nhanh chóng nâng cao sản lượng và năng suất lao động, cải thiện đời sống cho bản thân người đánh cá và góp phần cải thiện đời sống nhân dân. Trước mắt, đối với các tàu, thuyền máy và các thuyền buồm thủ công hiện có tuy nhỏ bé, lạc hậu nhưng còn có khả năng nâng sản lượng và năng suất nếu chúng ta biết tổ chức phối hợp giữa một số tàu, thuyền lớn với thuyền buồm nhỏ thành những đội sản xuất chuyên nghề như đội câu, đội rê... Và nếu dọc ven biển, chúng ta có một hệ thống bến cá, có các cơ sở hậu cần thích hợp, bảo đảm được mọi công việc sửa chữa, bốc dỡ, vận chuyển, tiêu thụ nhanh sản phẩm, cung cấp đủ nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất, các tư liệu sinh hoạt... đảm bảo tàu, thuyền được giải phóng nhanh, giảm ngày đậu bến, lãng thêm ngày sản xuất trên biển, thì còn có thể đạt năng suất lao động cao hơn nhiều. Từ thực tiễn này, có thể rút ra hai chỉ tiêu quan trọng nhất trong nhiệm vụ quản lý nghề đánh cá biển là: phải làm sao cho các tàu, thuyền có ngày đi biển đánh cá cao nhất và có số mẻ lưới đánh trúng đàn cá nhiều nhất. Để công tác quản lý đạt chỉ tiêu cơ bản này, điều quyết định là phải tổ chức và sử dụng sức mạnh tổng hợp giữa tàu lớn và tàu nhỏ, giữa hậu cần và đánh bắt.

Nhiệm vụ trước mắt là phải cải tạo nhanh chóng đoàn tàu, thuyền đánh cá biển của ta hiện nay, từng bước tăng nhanh số lượng, cải tiến chất lượng, đồng thời xây dựng cơ sở hậu cần cần xứng với quá trình cải tạo và tăng cường lực lượng đánh bắt nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, chiến thắng tự nhiên.

2. Mạnh dạn đầu tư sức người, sức của để nhanh chóng cải tạo và xây dựng các diện tích mặt nước lớn như cửa sông, các vùng đầm, phá, biển cạn ở ven biển, ven đảo thành những cơ sở nuôi cá biển, hàu, trai ngọc, sò huyết, trồng các loại rong (rong câu, rong mứt). Trước mắt phải nghĩ ngay đến việc phát triển rộng rãi các cơ sở sản xuất giống cá,

tôm nhân tạo, nhất là cá ăn nổi và ăn thực vật thủy sinh nhằm tăng thêm mật độ cá, tôm, cho các mặt nước nói trên hiện nay đang chưa cân đối giữa khối lượng và loại thức ăn thiên nhiên. Đồng thời, phải gấp rút tổ chức khoanh vùng cải tạo các bãi để tự nhiên ở đầu nguồn sông, khoanh vùng bảo vệ các bãi giống bố mẹ của hàu, bào ngư, sò huyết, đồi mồi... ở biển cạn để tăng lượng giống tự nhiên. Tích cực ứng dụng các biện pháp lấy giống thiên nhiên (hàu, tôm) để tổ chức nuôi chuyên và có năng suất cao. Những việc này, lâu nay chúng ta có mở rộng đối với sản xuất giống cá nước ngọt các loại, nhưng nhìn chung còn mang tính chất sản xuất nhỏ. Ở các diện tích nước lớn như cửa sông, đầm, phá... nhân dân ta chỉ chú trọng đến khai thác và khai thác không có kế hoạch, làm cho nguồn lợi cá có nguy cơ giảm thấp.

Song song với việc phát triển sản xuất giống nhân tạo và bảo vệ nguồn giống tự nhiên nhằm làm cho mật độ cá tôm ở các diện tích nói trên tăng lên, chúng ta cần phải nhanh chóng chấn chỉnh tổ chức, tăng cường trang bị, dành đủ nguyên liệu để ứng dụng các thành tựu về sản xuất thức ăn công nghiệp, phục vụ cho việc phát triển kỹ thuật nuôi hải sản đạt năng suất cao, nhất là nghề nuôi tôm.

Mặt khác, Đảng và Nhà nước cần sớm ban hành các chính sách khuyến khích kinh doanh và bảo vệ nguồn lợi hải sản, đặc biệt chính sách bảo vệ môi sinh trong quá trình phát triển nghề khai thác hải sản.

3. Trong nhiệm vụ phát triển công nghiệp chế biến hải sản, cần phải nắm vững đặc điểm và tính chất nhiệt đới của nước ta (quanh năm có nhiệt độ và độ ẩm cao, làm cho cá tôm nhanh chóngươn thối dẫn đến sản phẩm mất phẩm chất, kém vệ sinh, gây độc hại và nhất là gây lãng phí lớn về chất dinh dưỡng). Trong thời gian tới cần phải phát triển mạnh mẽ, rộng khắp công nghiệp đông lạnh, sản xuất nước đá, không chỉ ở các trung tâm đánh cá, nuôi cá, chế biến cá mà cả ở các chợ cá tôm, ở các cửa hàng phân phối sản phẩm hải sản cho nhân dân. Phương châm « khai thác đi đôi với chế biến » ghi rõ trong Nghị quyết 5 của Trung ương Đảng lâu nay chưa được nhận thức đầy đủ và chấp hành đúng. Các trung tâm đánh cá biển chưa xây dựng đủ cơ sở sản xuất nước đá để bảo quản cá, tôm biển. Trên các tàu thuyền đánh cá, vận tải hải sản chưa được trang bị phòng cách nhiệt, phòng chứa nước đá (trừ những

tàu mua ở nước ngoài). Tôm cá ướp muối chỉ dành cho việc chế biến mặt hàng khô và mắm (vì ướp muối tuy bảo quản được nhưng phải mất đi một phần các chất dinh dưỡng). Các nước có nghề đánh cá phát triển rất quan tâm đẩy mạnh công nghiệp đông lạnh và sản xuất nước đá, tạo cho công nghiệp chế biến luôn luôn có nguyên liệu dự trữ để sản xuất, không phụ thuộc vào mùa vụ đánh cá.

Nguồn lợi hải sản của nước ta còn có đặc điểm nhiều giống loài, nhiều dạng và cỡ khác nhau. Sản lượng mỗi giống loài không lớn, cho nên các xí nghiệp chế biến phải có quy mô và trang bị thích hợp. Tốt nhất là nên xây dựng theo hướng lợi dụng tổng hợp, đồng thời có trang bị, thiết bị riêng cho việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có nguyên liệu theo mùa vụ. Việc trang bị dây chuyền sản xuất cá trích hộp ở Nhà máy đồ hộp Hạ-long với công suất 6 000 tấn cá/năm, trong khi khả năng thực tế đánh bắt ở ven bờ vịnh Bắc-bộ, đạt tới 20-30 000 tấn cá trích năm, nhưng nhà máy vẫn không đủ nguyên liệu để sử dụng hết 1/10 công suất là một lãng phí lớn.

Mặt khác, trong quá trình phát triển công nghiệp chế biến hải sản, chúng ta không thể xem nhẹ việc sản xuất bao bì, đóng gói sản phẩm, bảo đảm chống ẩm tối, bảo đảm các chỉ tiêu vệ sinh, có hình thức đẹp, hấp dẫn người tiêu thụ, nhất là đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Tóm lại, trên mỗi trung tâm đánh cá biển cần xây dựng những nhà máy liên hợp chế biến, vừa chế biến hải sản đông lạnh, vừa sản xuất các sản phẩm khô và các loại bột hải sản, vừa sản xuất thức ăn chín, vừa sản xuất nước mắm hoặc một vài loại mắm đặc biệt. Ngoài ra, ở những trung tâm có nguồn nguyên liệu khác nhau như rong câu, rong mơ thì công nghiệp chế biến ở đây phải có thêm các phân xưởng sản xuất agar, anginat v.v... quy mô lớn nhỏ tùy theo khối lượng nguyên liệu có được.

Trước mắt (trong kế hoạch 1976-1980) chúng ta cần làm một số việc cụ thể sau đây nhằm tạo ra cơ sở vững chắc cho công nghiệp đánh cá nước ta phát triển:

a) Phải tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhiều trung tâm công nghiệp đóng ráp, sửa chữa các loại tàu và thuyền máy, đồng thời phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo phụ tùng, chế tạo một số máy móc chuyên dùng đơn giản cho

nghe cá, tạo thêm tiềm lực cho việc cơ giới hóa rộng rãi các hoạt động đánh bắt hải sản. Điều đó không những có ý nghĩa về nâng cao năng suất lao động, sản lượng mà còn đào tạo một lực lượng lao động có kỹ thuật để mở rộng vững chắc công nghiệp đánh cá của cả nước. Đối với các loại tàu có công suất lớn hơn 400 mã lực, dài trên 45 mét thì Nhà nước nên giao nhiệm vụ cho ngành giao thông và cơ khí luyện kim đảm nhiệm đóng ráp. Ngành hải sản ở ta hiện chỉ có khả năng đóng các loại tàu, thuyền máy dài trên 30m công suất 200-300 mã lực có vỏ sắt, vỏ gỗ và vỏ xi măng lưới thép. Điều khó khăn hiện nay không phải là kỹ thuật đóng ráp mà chủ yếu là việc chế tạo các máy động lực chính, các máy móc, phương tiện đi biển, kể cả máy đo độ sâu, dò cá... Vì thế cần phải xúc tiến mạnh mẽ việc xuất khẩu sản phẩm hải sản để đổi lấy máy móc cần thiết; đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các nước anh em, bạn bè có nghề cá phát triển, để mỗi năm tăng thêm cho đoàn tàu thuyền hiện có khoảng từ 100-150 chiếc thuộc loại 135-300 mã lực, 20-30 chiếc loại 400-600 mã lực. Các loại tàu, thuyền máy cỡ nhỏ dùng cho các nghề câu, nghề rê, vẩy vỏ ánh sáng, nên phân công cho các xưởng đóng thuyền địa phương đảm nhiệm (kể cả các cơ sở đóng thuyền tư nhân ở các tỉnh phía Nam) trên cơ sở tăng cường trang bị thiết bị để có khả năng mỗi năm đóng ráp từ 300-400 chiếc/năm. Nếu nhiệm vụ này được hoàn thành thì trong kế hoạch 1981-1985 chúng ta sẽ mở rộng phạm vi đánh cá biển ra khơi xa hơn, sản lượng thu hoạch hằng năm được tăng lên, đồng thời tiến thêm một bước trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nguồn lợi ven bờ và quản lý hải phận.

Song song với việc phát triển công nghiệp đóng tàu và thuyền máy, cần phải mạnh dạn phát triển công nghiệp cơ khí hải sản, trước mắt nhằm sản xuất các loại phụ tùng thay thế cho các loại máy móc đang dùng ở cả nước để giữ vững lực lượng sản xuất hiện có, từng bước tiến lên sản xuất những máy móc đơn giản, nhanh chóng sửa cơ giới hoặc cơ giới hóa các quá trình công nghệ trong khai thác, chế biến, nuôi trồng, vận chuyển, bốc dỡ hải sản... Hiện nay ở các tỉnh phía nam có lực lượng tư nhân làm công tác sửa chữa máy tàu thuyền, có khả năng sản xuất được một số chi tiết máy bằng phương pháp thủ công, chúng ta cần tập hợp lực lượng này, giúp đỡ về trang bị, xây dựng thành các tập đoàn hoặc hợp tác xã

để gia công sản xuất các chi tiết máy cần thiết, và khi có đủ điều kiện tiến lên xây dựng các xí nghiệp quốc doanh cơ khí của ngành hải sản. Ở các nước có nghề cá phát triển, người ta thường xây dựng ngay ở các cảng cá quan trọng các xí nghiệp cơ khí chuyên phục vụ cho việc cơ giới hóa sản xuất hải sản, nên lúc nào các xí nghiệp đánh cá, chế biến... cũng có 30% phụ tùng thay thế dự phòng phục vụ cho công tác sửa chữa và giải phóng tàu, thuyền nhanh để tăng ngày sản xuất, đồng thời tạo điều kiện cho công tác điều độ tàu theo đúng chu kỳ cá xuất hiện, sử dụng tiết kiệm diện tích cầu cảng, bến bãi...

Lâu nay, chúng ta thường nghĩ đơn giản và máy móc trong việc tập trung sản xuất cơ khí vào các trung tâm cơ khí của Nhà nước. Thực tế, trong các năm chiến tranh vừa qua, tuy nghề cá ở miền Bắc mới đạt tỉ lệ cơ giới rất thấp (3-5%) nhưng chúng ta vẫn chưa giải quyết được việc cung cấp phụ tùng sửa chữa cho các tàu. Ngày nay, trong hòa bình xây dựng, ngành nào cũng đi mạnh vào cơ giới hóa, thì riêng ngành hải sản phải có tốc độ cơ giới hóa nhanh hơn. Nếu ngành hải sản không có những xí nghiệp cơ khí chuyên dùng, nhất định mọi hoạt động sản xuất trên biển, trên sông... sẽ bị đình trệ và kinh doanh sản xuất không tránh khỏi sút kém và thua lỗ ngày càng lớn.

Phải phát triển công nghiệp đóng tàu thuyền đánh cá và công nghiệp cơ khí hải sản là khâu mấu chốt của quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nghề cá tiến lên cơ giới hóa và mở rộng phạm vi đánh bắt. Mọi sự dãn dụa, do dự hoặc hạn chế hướng phát triển này chỉ dẫn đến tình trạng mất cân đối hiện nay của ngành này càng thêm trầm trọng.

b) *Nhanh chóng phát triển công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật hải sản, kịp thời giải quyết các yêu cầu nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tăng cường năng lực chỉ đạo sản xuất với một đối tượng luôn luôn biến động và không nhìn thấy được.*

Khác với nghề cá ở các nước có công nghiệp tiên tiến, có cơ sở kỹ thuật phát triển, làm chỗ dựa vững chắc cho việc tính toán, xác định trữ lượng của mỗi khu vực nước, dự báo khả năng sản lượng có thể đánh bắt hằng năm, thông báo chính xác hằng ngày tọa độ các đàn cá tập trung và gọi các đoàn tàu đến đánh bắt, cũng như cơ giới hóa, tự động hóa các quá trình sản xuất cách bờ biển hàng nghìn hải lý, nghề cá nước ta đang trong thời kỳ sơ khai, lấy

sức lao động chân tay làm chủ yếu, ra biển đánh cá trên cơ sở kinh nghiệm cổ truyền, mò mẫm, may rủi, dùng năng lượng mặt trời và yếu tố thời gian để chế biến sản phẩm.

Khác với nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành khác có đối tượng sản xuất rõ ràng, cụ thể, có thể nhìn thấy được, đối tượng sản xuất của ngành hải sản nằm khuất trong nước và hoàn toàn chịu ảnh hưởng của các qui luật thủy học, thời tiết, khí hậu. Vì thế, khoa học kĩ thuật hải sản phải được ưu tiên phát triển *nhANH HƠN* nhằm tạo cho những người làm nghề cá, người chỉ đạo cũng như người lao động sản xuất, thêm các điều kiện chủ động, có thêm phương tiện định hướng được hoạt động của mình trên biển cả mênh mông, làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội một cách vững chắc hơn.

Từ ngày thành lập ngành hải sản đến nay, công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật tuy được đặt ra hằng năm, nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng, nhất là việc trang bị các phương tiện, máy móc cần thiết để tiến hành các công trình nghiên cứu trực tiếp dưới nước — về mặt sinh vật học cũng như nghiên cứu môi trường — nên đến nay chúng ta cũng vẫn chưa có đủ điều kiện để xác định trữ lượng nguồn lợi, làm cơ sở cho việc chỉ đạo đánh bắt và xây dựng kế hoạch hằng năm hay dài hạn.

Để công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật đáp ứng kịp thời cho việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước tăng năng suất lao động, tăng sản lượng... cần phải trang bị cho mỗi cơ sở điều tra một đội tàu từ 3 — 5 chiếc, vừa điều tra cá, vừa điều tra tôm và có trang bị các loại máy thăm dò đàn cá nổi, cá tầng giữa và cá đáy; đồng thời có các máy tính để xác định nhanh trên biển khối lượng các đàn cá, xác định hướng và tốc độ di chuyển của chúng để thông báo cho các đoàn tàu đến đánh bắt với các nhân viên kĩ thuật thích hợp. Trên các tàu điều tra cần trang bị các phương tiện máy móc dụng cụ đủ để tiến hành công tác nghiên cứu môi trường và sinh vật học ngay trên biển. Cùng với các đội điều tra chuyên nghiệp, cần phải động viên quần chúng đánh cá biển tham gia công tác điều tra bằng cách ghi chép nhật kí đánh cá theo những qui định thống nhất của cơ quan khoa học, nhằm tích lũy những số liệu phong phú cho công tác nghiên cứu về nguồn lợi, tìm hiểu được nguyên nhân làm sản lượng khai thác cá thay đổi.

Ngoài các mặt nghiên cứu mang tính chất

sinh vật học nói trên, công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật hải sản trong các năm tới cần dành lực lượng thích đáng cho nhiệm vụ nghiên cứu *cơ giới hóa* và *tự động hóa* các quá trình sản xuất, đặc biệt chú ý đến các quá trình công nghệ đòi hỏi cường độ lao động cao hoặc mang tính chất đơn điệu, để làm cho người lao động chán nản.

Song song với việc đẩy mạnh và phát triển công tác nghiên cứu, cần phải quan tâm đúng mức đến việc phổ biến khoa học kĩ thuật vào quần chúng, vận động, tổ chức hướng dẫn quần chúng lao động làm công tác khoa học kĩ thuật đặc biệt là phát minh sáng kiến, cải tiến kĩ thuật.

Để phát triển công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật hải sản trên cả nước, trong các năm tới nên cố gắng hình thành các cơ sở nghiên cứu hải sản về các mặt: thủy học, khí tượng, thời tiết, giống loài khác nhau; cần có thêm cơ sở chuyên nghiên cứu các đối tượng kinh tế riêng biệt của mỗi địa phương, nhất là các đối tượng có thể xuất khẩu.

c) *Ra sức đẩy mạnh công tác đào tạo công nhân kĩ thuật, nhân viên kĩ thuật, cán bộ khoa học kĩ thuật và nhất là cán bộ quản lí kinh tế hải sản.* Hiện nay lao động làm nghề cá trên cả nước tương đối lớn, ước trên 1 triệu người, trong đó số phổ tiến sĩ, kĩ sư, cán bộ trung cấp hải sản khoảng 5 000 người. Nhìn chung, trình độ văn hóa, kĩ thuật đội ngũ này thấp, nhất là với lực lượng lao động đánh cá biển (vì luôn luôn bị động với thời tiết, khí hậu, quanh năm sống trên từng chiếc thuyền, ngày đêm lênh đênh trên mặt biển, nên ít có điều kiện học tập).

Với phương hướng phát triển mạnh nghề cá trong tương lai theo hướng cơ giới hóa, đi biển đánh cá ngày càng xa bờ, nuôi hải sản theo phương pháp khoa học, thì biện pháp hàng đầu là phải nâng cao trình độ văn hóa cho người lao động, tạo điều kiện để họ tiếp thu kĩ thuật mới, làm ra những sản phẩm mới tốt hơn, đồng thời tham gia vào việc không ngừng cải tiến kĩ thuật.

Trước mắt, cần phải tổ chức các lớp huấn luyện lưu động, ngắn ngày nhằm truyền đạt cho người lao động, nhất là xã viên hợp tác xã đánh cá biển, những kĩ thuật sử dụng và bảo dưỡng các loại máy móc, công cụ sẽ trang bị, nâng cao sự hiểu biết của họ về đối tượng sản xuất là sinh vật, về các qui luật biến động của môi trường nước. Mặt khác, cần dựa vào các trường phổ thông ven biển, đưa giáo trình giảng dạy về hải sản

vào đó, nhằm trang bị cho thể hệ trẻ vùng ven biển những kiến thức về biển, về sinh vật, về các kĩ thuật đánh bắt. Ngoài ra, cần phải phát triển mạnh mẽ các trường đào tạo công nhân kĩ thuật đặt cạnh các trung tâm đánh cá, cạnh các xí nghiệp đóng tàu thuyền, cạnh các xí nghiệp cơ khí, các xí nghiệp chế biến, theo hướng vừa học vừa làm, nhằm sau một vài năm chúng ta có đủ lực lượng công nhân đáp ứng cho việc mở rộng công nghiệp đóng tàu, cơ khí, chế biến đông lạnh và sản xuất giống nhân tạo cá, tôm biển... Các loại nhân viên kĩ thuật sử dụng các loại máy móc thăm dò, vô tuyến thông tin, máy móc đi biển, máy lạnh, máy điện... cũng phải được chú ý đào tạo, cần đối với khả năng trang bị và phát triển cơ giới hóa nghề cá.

Công tác quản lí kinh doanh nghề cá hiện nay đang gặp khó khăn lớn, làm ăn thua lỗ, lúng túng. Nguyên nhân chủ yếu là số đông cán bộ quản lí nghề cá chưa qua học tập lí luận nên thiếu những kiến thức cần thiết và chưa có phương pháp đúng. Nội dung đào tạo các cán bộ này phải nhằm giúp họ nắm chắc được các qui luật của thiên nhiên nhiệt đới Việt-nam tác động hằng giờ, hằng phút lên các đối tượng sản xuất, nắm chắc được các qui luật diễn biến nội bộ của giới sinh vật dưới nước để tìm ra thời cơ tốt nhất cho việc chỉ đạo sản xuất trên cả ba mặt: khai thác, chế biến, nuôi trồng. Việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lí nghề cá hiện nay là cấp thiết, trước mắt phải có lực lượng nghiên cứu lí luận, xây dựng giáo trình tương đối phù hợp với thực tiễn Việt-nam để triển khai công tác đào tạo, nhằm sau vài năm cung cấp đầy đủ cho các cơ sở quản lí các cấp từ 1 đến 2 cán bộ có năng lực, thì mới có thể thoát được vòng lúng túng hiện nay.

d) Cuối cùng, cần phải làm tốt công tác tổ chức lại sản xuất và chỉ đạo sản xuất, ban hành các chính sách khuyến khích sản xuất, phù hợp với tình hình mới trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với công nghiệp cá.

Ở các tỉnh phía bắc, tuyệt đại bộ phận lao động nghề cá đã được hợp tác hóa. Một số quốc doanh đánh cá trung ương, địa phương, quốc doanh nuôi cá, chế biến, đóng thuyền, đan lưới đã được hình thành với nhiệm vụ «đi đầu trong việc áp dụng kĩ thuật tiến bộ và gương mẫu trong việc kinh doanh nghề cá». Nhưng, đứng về đặc điểm nghề cá, cần phải xem xét lại việc tổ chức

lực lượng và phương pháp tổ chức sản xuất hiện nay đã hoàn toàn phù hợp chưa, đã tạo thành một sức mạnh vững chắc thúc đẩy các mặt sản xuất đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được thuận chiều chưa.

Hiện nay các hợp tác xã đánh cá biển đã kết nạp xã viên theo hộ lao động ven biển, nên hình thành trong nội bộ hợp tác xã đánh cá những lao động khác nhau, có nơi bao gồm cả lao động nông nghiệp, điều đó làm cho việc chỉ đạo của một hợp tác xã đánh cá thêm phức tạp và thường là không tập trung sức mạnh vào nghề cá. Cũng từ tình hình cấu tạo hợp tác xã nghề cá như vậy cho nên việc ăn chia, phân phối sản phẩm càng thêm phức tạp và khó khăn, hạn chế việc khuyến khích người lao động có kĩ thuật. Mặt khác, tuy đã vào hợp tác xã hay quốc doanh nhưng các tàu thuyền đánh cá khi ra biển vẫn còn sản xuất riêng lẻ, mạnh ai nấy thu nhập, vẫn đề sản xuất theo hiệp đồng cùng nhau bao vây đàn cá ít được đặt ra (vì thiếu tổ chức chỉ huy trên biển, thiếu phương tiện thông tin liên lạc giữa các đơn vị sản xuất). Các cơ sở hậu cần ở bến cá chưa được xây dựng và chưa thấu suốt nhiệm vụ «tập trung, thống nhất» phục vụ cho «tiền phương» theo từng thời điểm cá xuất hiện. Việc cung cấp một số vật tư nghề cá, vật tư sinh hoạt cho người lao động đi biển đánh cá còn phân tán, tùy tiện, và đang có xu thế tổ chức theo chuyên ngành, làm mất không ít thời gian cho người sản xuất và gây ra tình trạng tàu thuyền đậu bến lâu ngày, mặc cho cá xuất hiện và thời cơ đón đánh đã đến. Tóm lại, tình hình tổ chức lực lượng sản xuất và tổ chức phục vụ sản xuất như hiện nay không thể tạo nên một sức mạnh tổng hợp để khắc phục các hoàn cảnh thiên nhiên và phát triển nghề đánh cá có hiệu quả được.

Trước tình hình ấy, nhiệm vụ trước mắt là phải chấn chỉnh lại cơ cấu nội bộ các hợp tác xã nghề cá, chỉ kết nạp các lao động đánh cá chuyên nghiệp, tổ chức thành các đội đánh cá theo nghề chính, có kết hợp các nghề phụ theo mùa vụ. Ban chủ nhiệm hợp tác xã phải là người thông thạo kĩ thuật và phương pháp chỉ đạo đánh cá. Các lao động khác ở miền biển sẽ được kết nạp vào các hợp tác xã khác (như hợp tác xã tiêu thụ công, hợp tác xã mua bán—tiêu thụ, hợp tác xã nuôi cá lợ—mặn). Có tổ chức như vậy mới tạo cho hợp tác xã đánh cá biển ngày càng chuyên môn hóa cao hơn, giúp nhau về kĩ thuật, phân công nhau về ngư trường theo đối tượng sản xuất và nghề nghiệp. Khi ra

biển phải có sự chỉ huy phối hợp, dùng toàn bộ lực lượng bao vây đón đánh đàn cá xuất hiện, nhằm đạt cho được nhiệm vụ nâng sản lượng, năng suất cho toàn đội, không phải cho từng tàu thuyền riêng rẽ nào. Trong điều kiện tổ chức sản xuất như vậy, việc ăn chia phân phối sẽ đơn giản hơn và khuyến khích được người lao động có kĩ thuật; sự chỉ đạo, lãnh đạo xây dựng hợp tác xã, chỉ đạo sản xuất sẽ mạnh hơn và có điều kiện tiến nhanh lên sản xuất lớn. Trong các quốc doanh đánh cá hiện nay cũng cần phải có tổ chức đội sản xuất, liên hiệp đội sản xuất trên biển để tận thu các đàn cá xuất hiện. Ở đây, cần xem xét lại việc tổ chức các quốc doanh đánh cá địa phương. Đã là quốc doanh đánh cá thì phải đi đầu trong việc ứng dụng kĩ thuật tiến bộ và gương mẫu trong kinh doanh sản xuất, có nghĩa là phải có tàu lớn, phải đi sản xuất xa bờ, trước mắt dành vùng gần bờ cho nghề cá hợp tác xã. vùng ven bờ (dưới 30 mét nước) cho việc bảo vệ, phát triển và cải tạo nguồn lợi. Các quốc doanh đánh cá địa phương hiện có, với tàu thuyền nhỏ, đánh lưới kéo, nếu sản xuất cùng ngư trường với hợp tác xã sẽ gây nhiều khó khăn cho hợp tác xã. Từ khi các quốc doanh đánh cá địa phương được thành lập, hầu như các sở, ti đều dồn sức vào việc chỉ đạo các cơ sở này, nên có phần xao lãng việc chỉ đạo, xây dựng các hợp tác xã đánh cá. Để giải quyết tình hình này, Nghị quyết 13/CP của Hội đồng Chính phủ đã đề ra việc chuyển các quốc doanh đánh cá thành các quốc doanh hậu cần, chuyển một số tàu hiện có cho hợp tác xã, hoặc sử dụng một số tàu này vào công tác thăm dò đàn cá, chỉ huy đánh bắt của các sở, ti, đồng thời biến các cơ sở sửa chữa, chế biến, cầu cảng của quốc doanh đánh cá địa phương thành những cơ sở hậu cần phục vụ cho các hợp tác xã. Đây là chủ trương đúng đắn trong việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nghề đánh cá.

Về việc chỉ đạo sản xuất hằng ngày trên biển nên chuyển về các trung tâm đánh cá, nơi tập trung các thuyền lưới, nghề nghiệp, tập trung lao động có kĩ thuật, tập trung các cơ sở phục vụ nghề cá. Ở đây cần phải có các bộ phận kĩ thuật đánh cá, ngư trường, hàng hải, chế biến, sửa chữa v.v... để tập hợp ngư dân, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp, dự đoán và phân công ngư trường, hợp tác bao vây các đàn cá cũng như điều hòa phối hợp các cơ sở sửa chữa, cung cấp, thu mua... phục vụ các tàu, thuyền khi về bến. Việc chỉ đạo nghề cá của các sở, ti nên chuyển làm nhiệm vụ quản lí kĩ thuật, quản lí kinh doanh, quản lí nghiệp vụ bằng phương pháp bán hàng và kiểm tra đón đóc thực hiện các tiêu chuẩn, qui trình, chế độ, định mức, các chính sách thu mua, nghĩa vụ, các kế hoạch sản xuất và khoa học kĩ thuật theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

..

Nước ta có nhiều khả năng thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp cá toàn diện và có hiệu quả lớn. Việc lãnh đạo và chỉ đạo công nghiệp cá mang tính chất khoa học và kinh doanh phức tạp, đồng thời phải thực hiện các nhiệm vụ chính trị, quân sự, ngoại giao quan trọng, đòi hỏi phải có sự hợp đồng chặt chẽ của nhiều ngành, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và Nhà nước. Riêng ngành hải sản, không thể đảm đương đầy đủ các nhiệm vụ ấy, nhất là nhiệm vụ quản lí hải phận, quản lí vùng khai thác cá, quản lí nguồn lợi, bảo vệ môi sinh. Do đó, Đảng và Nhà nước cần quan tâm hơn nữa đến việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo từ trung ương đến địa phương, như vậy, nhất định nghề khai thác cá biển nói riêng và khai thác nguồn lợi hải sản nói chung của nước ta sẽ phát triển thuận lợi.